

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỒNG XUÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2022

V/v “*Yêu cầu xin ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vĩnh Long

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Trọng S

2. Bà Nguyễn Thị Lý Vũ

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “*Yêu cầu xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2022 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Tuyết T - sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã B, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

Hiện trú tại: 54, Trần Phú, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1981

Trú tại: Thôn N, xã B, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Võ Thị Tuyết T tại phiên tòa A sau:**

*- Về Q hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn S có thời gian tìm hiểu được 01 năm. Đến tháng 5/2007 hai bên tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/2007 ngày 01/5/2007. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017. Sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S ăn chơi gây ra nợ nần, dẫn đến vợ chồng cãi vã, bất đồng với nhau trong cuộc sống. Đến cuối năm 2017 thì anh S bỏ đi làm ăn

xa không quay về với mẹ con chị nữa, Ang vợ chồng vẫn còn liên lạc. Cho đến năm 2020 giữa chị và anh S không còn liên lạc với nhau, anh S chỉ gọi điện liên lạc với các con. Hiện nay theo chị được biết anh S đang làm ăn xa không có mặt tại địa phương nhưng anh S đang ở đâu, làm công việc gì chị không rõ. Việc chị làm đơn yêu cầu xin ly hôn anh S biết và cũng thống nhất nhưng anh S không về giải quyết ly hôn được, anh S yêu cầu chị làm đơn ly hôn đơn phương. Hôm nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân giữa chị và anh S không đem lại hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

- *Về con chung*: Chị T và anh S có 02 con chung: Nguyễn Thị Tuyết A – sinh ngày 29/6/2009 và Nguyễn Võ Q – sinh ngày 09/8/2014, hiện chị T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Văn S để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S không đến Tòa để làm việc.

**\* *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn S không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự; căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

- *Về Q hệ hôn nhân*: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Tuyết T.

- *Về con chung*: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao cháu Nguyễn Thị Tuyết A – sinh ngày 29/6/2009 và Nguyễn Võ Q – sinh ngày 09/8/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Võ Thị Tuyết T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) án phí HNGĐ sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

*[1]. Về thủ tục tố tụng:*

Về Q hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị Tuyết T có đơn khởi kiện về việc: “Yêu cầu xin ly hôn” với anh Nguyễn Văn S. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, xác định Q hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn”. Anh Nguyễn Văn S có địa chỉ tại thôn N, xã B, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án thực hiện đầy đủ việc tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật Ang vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

*[2]. Về Q hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị Tuyết T và anh Nguyễn Văn S có thời gian tìm hiểu được 01 năm. Đến năm 2007 hai bên tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/2007 ngày 01/5/2007. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung giữa vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017. Sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S ăn chơi gây ra nợ nần, dẫn đến vợ chồng cãi vã, bất đồng với nhau trong cuộc sống. Đến cuối năm 2017 thì anh S bỏ đi làm ăn xa không quay về chung sống với mẹ con chị T cho đến nay. Mặc dù hai bên không còn sống chung Ang chị T và anh S vẫn còn liên lạc với nhau cho đến năm 2020 hai bên chấm dứt liên lạc, anh S chỉ gọi điện về gặp con. Theo chị T được biết hiện nay anh S không có ở nhà Ang anh S đang ở đâu, làm công việc gì chị không rõ. Việc chị làm đơn yêu cầu xin ly hôn anh S biết và cũng thống nhất Ang anh S nói không về giải quyết ly hôn được, yêu cầu chị xin ly hôn đơn phương.

Ngày 24/4/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã B, qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì hiện nay anh S vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ thôn N, xã B, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên Ang anh S hiện không có mặt ở địa phương. Việc anh S bỏ địa phương đi từ thời gian nào, đang làm gì, sinh sống ở đâu Công an không rõ vì anh S không thuộc đối tượng theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã gặp bà Trần Thị Hoa – là mẹ ruột của anh Nguyễn Văn S để làm việc. Bà Hoa trình bày anh S sau khi lập gia đình đã tách khẩu riêng, hộ khẩu của anh S gồm anh S cùng với vợ là chị T và 02 con, đăng ký hộ khẩu tại thôn N, xã B, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vợ chồng anh S không còn sống chung với nhau đã 05 năm nay. Nguyên nhân là do anh S ăn chơi nợ nần dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Anh S đi làm thuê ở TP. Hồ Chí Minh từ năm 2017 cho đến nay không về. Tuy nhiên anh S có liên lạc với vợ chồng bà và anh S cũng biết việc chị T có yêu cầu xin ly hôn Ang vì công việc anh S không đến Tòa được. Hội đồng

xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh S.

[3]. *Về con chung*: Chị T và anh S có 02 con chung: Nguyễn Thị Tuyết A – sinh ngày 29/6/2009 và Nguyễn Võ Q – sinh ngày 09/8/2014 hiện chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con sau khi ly hôn, mặc khác 02 cháu A và Q đều có nguyện vọng được ở với mẹ, trong khi đó anh S đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương nên giao 02 cháu A, Q cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí HNGĐ - ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Tuyết T.***

[1]. *Về Q hệ hôn nhân*: Chị Võ Thị Tuyết T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết A – sinh ngày 29/6/2009 và Nguyễn Võ Q – sinh ngày 09/8/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về án phí HNGĐ-ST*: Chị Võ Thị Tuyết T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) nhưng được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số 0000606 ngày 11/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Chị Võ Thị Tuyết T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

**TM. ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận**

- Dương sự;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- UBND xã B, Đồng Xuân;
- UBND thị trấn La Hai, Đồng Xuân;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

***Trần Vĩnh Long***